

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0101612880



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31/12/2019

Mẫu số: B01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	TM	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.954.749.185	159.238.894.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		866.148.414	2.368.772.831
1. Tiền	111	V.1	866.148.414	2.368.772.831
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.200.172.588	146.140.375.784
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.876.122.403	77.239.194.888
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	65.466.115.810	68.840.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.857.934.375	61.180.896
III. Hàng tồn kho	140		10.661.505.772	10.677.410.577
1. Hàng tồn kho	141	V.5	10.661.505.772	10.677.410.577
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		226.922.411	52.335.677
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		226.922.411	52.335.677
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.336.352.915	71.816.813.456
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		308.854.688	76.500.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		308.854.688	76.500.000
II. Tài sản cố định	220		227.047.968	42.503.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	227.047.968	42.503.956
- Nguyên giá	222		277.279.929	77.279.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.231.961)	(34.775.973)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	130.288.480.000	71.340.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		103.488.480.000	27.520.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.800.000.000	43.820.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.511.970.259	357.809.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.511.970.259	357.809.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		223.291.102.100	231.055.708.325

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0101612880

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2019

Mẫu số: B01-DN
Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.591.311.343	10.430.719.323
I. Nợ ngắn hạn	310		2.591.311.343	10.430.719.323
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	1.974.351.850	7.460.512.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	28.347.625	2.846.788.157
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		465.193.202	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		106.143.090	106.143.090
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		220.699.790.757	220.624.989.002
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	220.699.790.757	220.624.989.002
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.475.390.667	10.400.588.912
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.400.588.912	9.420.243.222
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		74.801.755	980.345.690
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		223.291.102.100	231.055.708.325

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2020

Kế toán


Lương Thị Thu Dung

Tổng giám đốc



Michael Marc Lee

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
QUÝ 4 /2019**

Mẫu số: B02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	84.554.903	22.471.680.000	84.554.903	32.143.840.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.554.903	22.471.680.000	84.554.903	32.143.840.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.554.903	20.654.133.470	84.554.903	28.849.675.838
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	1.817.546.530	-	3.294.164.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.550.413.414	58.620	1,550,419,916	40,226,084
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	48,563,396
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	48,563,396
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	982.802.769	310.015.224	1,471,439,197	1,748,040,801
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		567.610.645	1.507.589.926	78.980.719	1.537.786.049
11. Thu nhập khác	31		23.150.000	-	23,150,000	615,600,000
12. Chi phí khác	32		-	-	-	1,173,040,359
13. Lợi nhuận khác	40		23.150.000	-	23.150.000	(557.440.359)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		590.760.645	1.507.589.926	102.130.719	980.345.690
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	27.328.964	-	27,328,964	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.5	563.431.681	1.507.589.926	74.801.755	980.345.690
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		26,8	71,8	3,6	46,7

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2020

Kế toán

Lương Thị Thu Dung

Tổng giám đốc



Michael Marc Lee

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Phương pháp gián tiếp)

Quý 4/2019

Mẫu số: B03-DN

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	102.130.719	980.345.690
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	15.455.988	88.727.262
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.550.419.916)	(40.226.084)
- Chi phí lãi vay	06	0	48.563.396
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.432.833.209)	1.077.410.264
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	66.850.171.365	4.474.940.539
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	84.554.903	1.874.084.644
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(5.242.912.683)	(17.619.083.964)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.154.160.759	717.956.936
- Tiền lãi vay đã trả	14	0	(48.563.396)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.602.521.529)	0
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.165.184.209)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.645.435.397	(9.523.254.977)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(200.000.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	11.713.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(75.968.480.000)	(36.817.236.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.020.000.000	35.580.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	419.916	40.226.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(59.148.060.084)	10.515.990.084
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	0	(700.000.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0	(700.000.012)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(1.502.624.687)	292.735.095
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.368.773.101	2.076.037.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	866.148.414	2.368.772.831

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2020

Kế toán

Luong Thu Thu Dung

Tổng giám đốc



Michael Marc Lee

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần công ty tập đoàn Vexilla Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 26/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của công ty được đặt tại: Tầng 21, tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND.

2. Hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là kinh doanh thương mại và hoạt động đầu tư bất động sản, xây dựng...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là sản xuất và trồng cây dược liệu, hoạt động đầu tư bất động sản, xây dựng...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của chuẩn mực thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 8
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Máy móc, thiết bị	3 - 8

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá từ giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ lũy kế vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty thực hiện giao dịch kinh doanh với các bên có quan hệ liên kết, có nghĩa vụ và chịu trách nhiệm trong việc kê khai, xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	32.657.961	2.339.800.589
Tiền gửi ngân hàng	833.490.453	28.972.242
	866.148.414	2.368.772.831

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
LIJIAN	-	1.584.000.000
HWANG WEIWEI	-	8.202.000.000
LIANG QIANG	7.237.100.000	7.237.100.000
LIJIAN	-	5.431.080.000
TIAN HONGBING	3.317.500.000	3.317.500.000
Phải thu khách hàng khác	84.554.903	51.467.514.888
Phạm Thị Hằng	1.236.967.500	-
	11.876.122.403	77.239.194.888

3. Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vũ Văn Hòa	2.480.000.000	2.620.000.000
Đỗ Huy Mạc	2.510.000.000	2.660.000.000
Nông Văn Huy	2.490.000.000	2.620.000.000
Đỗ Thị Huệ	2.475.000.000	2.610.000.000
Nguyễn Văn Thân	2.225.000.000	2.370.000.000
Trần Văn Khánh	2.530.000.000	2.670.000.000
Lò Thị Ngru	2.470.000.000	2.620.000.000
Trần Huy báo	2.070.000.000	2.200.000.000
Nông Thị Vân	2.515.000.000	2.640.000.000
Vũ Thành Bảo	2.255.000.000	2.410.000.000
Phùng Quang Hợp	2.480.000.000	2.620.000.000
Đông Văn Quang	3.930.000.000	4.120.000.000
Võ Văn Cường	3.540.000.000	3.980.000.000
Nguyễn Văn Trang	4.000.000.000	4.180.000.000
Trần Thị Hoa	7.910.000.000	8.100.000.000
Dương Văn Phương	3.840.000.000	4.050.000.000
Nguyễn Thị Thân	3.900.000.000	4.120.000.000
Dương Thị Huệ	3.800.000.000	4.000.000.000
Nguyễn văn Ninh	3.810.000.000	4.000.000.000
Nông Tiến Kiên	3.820.000.000	4.000.000.000
Người bán khác	-	250.000.000
Công ty TNHH CZ Slovakia Việt Nam	416.115.810	-
Cộng	65.466.115.810	68.840.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0101612880

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.857.934.375	-	28.994.240	-
Tạm ứng	-	-	32.186.656	-
Cộng	1.857.934.375	-	61.180.896	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	84.554.903	-
Công cụ, dụng cụ	66.842.958	-	66.842.958	-
Chi phí SXKD dở dang	1.647.456.718	-	1.578.806.620	-
Thành phẩm	337.076.457	-	337.076.457	-
Hàng hoá	8.610.129.639	-	8.610.129.639	-
Cộng	10.661.505.772	-	10.677.410.577	-

6. Tăng, giảm tài sản cố định

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tài sản hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	77.279.929	-	77.279.929
Số tăng trong kỳ	-	200.000.000	200.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	77.279.929	200.000.000	277.279.929
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	34.775.973	-	34.775.973
Khấu hao trong kỳ	15.455.988	-	15.455.988
Số dư cuối kỳ	50.231.961	-	50.231.961
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	42.503.956	-	42.503.956
Tại ngày cuối kỳ	27.047.968	200.000.000	227.047.968

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

7. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	130.288.480.000	-	130.288.480.000	64.320.000.000	-	64.320.000.000
- Công ty Cổ phần Cyan	103.488.480.000	-	103.488.480.000	-	-	-
- Công ty CP dược liệu Solavina Hòa Bình	-	-	-	27.520.000.000	-	27.520.000.000
- Công ty CP Gang thép Công nghiệp Việt Nam	26.800.000.000	-	26.800.000.000	36.800.000.000	-	36.800.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	7.020.000.000	-	7.020.000.000
- Công ty Cổ phần nông nghiệp Việt Nhật	-	-	-	3.420.000.000	-	3.420.000.000
- Công ty Cổ phần thủy sản Sông Công	-	-	-	3.600.000.000	-	3.600.000.000
Cộng	130.288.480.000	-	130.288.480.000	71.340.000.000	-	71.340.000.000

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Đất Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
Đất Ea Yiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
Đất Ea Kly	112.200.000	112.200.000	112.200.000	112.200.000
Đất Buôn Đông	170.000.000	170.000.000	170.000.000	170.000.000
Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	4.046.640.000	4.046.640.000
Phạm Thị Hằng	-	-	2.183.032.500	2.183.032.500
Nguyễn Thị Hiền	130.400.000	130.400.000	130.400.000	130.400.000
Phạm Thị Yến	41.340.000	41.340.000	41.340.000	41.340.000
Công ty CP Đầu tư Công nghệ và Thương mại SoftDreams	2.500.000	2.500.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Du lịch quốc tế Hòa bình	78.031.000	78.031.000	-	-
CN Công ty CP PQC Convention	4.331.250	4.331.250	-	-
Công ty TNHH Kiến trúc và Quảng cáo Kiến Việt	139.869.600	139.869.600	-	-
Công ty Luật TNHH TNL	22.000.000	22.000.000	-	-
Công ty TNHH đường bay đẹp - An Phát	50.140.000	50.140.000	-	-
Cộng	1.974.351.850	1.974.351.850	7.460.512.500	7.460.512.500

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm			31/12/2019
	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	
	VND	VND	VND	
Thuế GTGT	44.069.971		44.069.971	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.603.540.190	27.328.964	2.602.521.529	28.347.625
Thuế BVMT và thuế khác	199.177.996	-	199.177.996	-
Cộng	2.846.788.157	27.328.964	2.845.769.496	28.347.625

10. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	136.465.222	9.420.243.222	219.556.708.444
Tăng vốn trong năm trước	-	-	980.345.690	980.345.690
- Lãi năm trước	-	-	980.345.690	980.345.690
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	136.465.222	10.400.588.912	220.537.054.134
Tăng vốn trong năm	-	-	74.801.755	74.801.755
- Lãi trong kỳ	-	-	74.801.755	74.801.755
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	210.000.000.000	136.465.222	10.475.390.667	220.611.855.889

VI. THÔNG TIN BỔ SINH CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP QUÝ IV

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	84.554.903	22.471.680.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	84.554.903	22.471.680.000

2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	84.554.903	20.654.133.470
Giá bán dịch vụ cung cấp	-	-
Cộng	84.554.903	20.654.133.470

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Friendship, 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0101612880

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	413.414	58.620
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	1.550.000.000	-
Cộng	1.550.413.414	58.620

4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	982.802.769	310.015.224
Cộng	982.802.769	310.015.224

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	590.760.645	1.507.589.926
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.328.964	-
Lợi nhuận sau thuế	563.431.681	1.507.589.926

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính, cũng như có thể có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2020

Kế toán


Lương Thu Thu Dung

Tổng giám đốc




Michael Marc Lee



Số: 180/2020/CV-VEXILLA

V/v: Giải trình chênh lệch doanh thu, lợi
nhuận giữa quý IV/2019 với quý IV/2018
và KQKD lỗ quý III/2019 sang lãi quý
IV/2019

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam.

Mã chứng khoán: SVN

Trụ sở chính: Tầng 21, tòa nhà Friendship, số 31 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam xin giải trình:

1. Sự chênh lệch về doanh thu, lợi nhuận sau thuế giữa quý IV/2019 (kỳ báo cáo) so với quý IV/2018 (cùng kỳ trước) như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quý IV/2019	Quý IV/2018	Tỷ lệ chênh lệch (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3-4)/4	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84,55	22.471,68	-99,62%	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.550,40	0,06	2.644.754%	
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	567,61	1.507,59	62,35%	
4	Lợi nhuận sau thuế	563,43	1.507,59	62,63%	

Giải trình:

Quý IV/2019, Công ty vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu lại doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh nên Công ty chưa có nhiều doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một số khoản đầu tư tài chính dài hạn nên có phát sinh doanh thu từ hoạt động tài chính. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính đã bù đắp được những chi phí phát sinh trong quý nên quý IV/2019, Công ty có lợi nhuận sau thuế.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh chuyển từ lỗ quý III/2019 sang lãi quý IV/2019 như sau:

Như giải trình ở trên, quý IV/2019 Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một số khoản đầu tư dài hạn và lợi nhuận từ hoạt động này đã bù đắp được chi phí phát sinh trong quý IV/2019 nên quý IV/2019 có lãi (567,61 triệu đồng), so với quý III/2019 phát sinh lỗ (161 triệu đồng).



Trên đây là giải trình của Công ty về doanh thu, lợi nhuận sau thuế của quý IV/2019 so với quý IV/2018 và Kết quả hoạt động kinh doanh chuyển từ lỗ quý III/2019 sang lãi quý IV/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam.

Công ty xin trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu TC-KT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
VEXILLA VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Michael Marc Lee

